CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 1, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0302910950
Reason: I agree to specified parts of this document
Location:
Date: 2026.11.04 10:10:16+0700'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH**
***HO CHI MINH CITY SECURITIES CORPORATION***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM***
*Independence - Freedom – Happiness*

Số/ *No.*: 43/2026/CV-BCGD

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2026
*Ho Chi Minh City, 04 November 2026*

# BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN VỚI NGƯỜI NỘI BỘ
# *REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN FUND CERTIFICATES OF AFFILIATED ORGANIZATION OF INTERNAL PERSON*

Kính gửi/ *To*:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
  *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
  *Vietnam Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
  *Hochiminh Stock Exchange*
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Dragon Capital Việt Nam ("DCVFM")
  *Dragon Capital VietFund Management ("DCVFM")*

1. Thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch
   *Information on organization conducting the transaction*

   - Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ("HSC")**
     *Name of organization: **Ho Chi Minh City Securities Corporation ("HSC")***
   - Quốc tịch: Việt Nam
     *Nationality: Vietnam*
   - Giấy phép hoạt động: 11/GPHĐKD
     *Number of Operation License: 11/GPHĐKD,*

     Ngày cấp: 29/04/2003 — Nơi cấp: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
     *Date of issue: 29 April 2003* — *Place of issue: State Securities Commission of Vietnam*
   - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, P. Bến Thành, TP.HCM
     *Head office: Level 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12, AB Tower, 76A Le Lai Str., Ben Thanh Ward, HCM City*
   - Điện thoại: (+84 8) 3823 3299 — Fax: (+84 8) 3823 3301 — Website: www.hsc.com.vn
     *Telephone: (+84 8) 3823 3299* — *Fax: (+84 8) 3823 3301* — *Website: www.hsc.com.vn*
   - Mối quan hệ với công ty quản lý quỹ:
     *Relationship with the fund management company:*
     - Tổ chức có liên quan với người nội bộ của Quỹ FUEVFVND và Quỹ E1VFVN30 được quản lý bởi DCVFM;
       *Affiliated organization of internal person of FUEVFVND fund and E1VFVN30 fund managed by DCVFM;*
     - Thành viên lập quỹ của Quỹ FUEVFVND và Quỹ E1VFVN30;
       *Authorized Participant of FUEVFVND fund and E1VFVN30 fund;*
     - Tổ chức tạo lập thị trường của Quỹ FUEVFVND và Quỹ E1VFVN30.
       *Market making organization of FUEVFVND fund and E1VFVN30 fund.*

2. Thông tin về người nội bộ của quỹ đại chúng là người có liên quan của tổ chức thực hiện giao dịch
   *Information on the internal person of the public fund who is the affiliated person of organization conducting transaction*

   - Bao gồm 02 người nội bộ có thông tin có thông tin như sau:
     *Including 02 internal persons with information as follows:*

| | | |
|---|---|---|
| Họ và tên người nội bộ<br>*Name of internal person* | **Mr. Lê Anh Minh** | **Mr. Johan Nyvene (Nguyễn Quốc Huân)** |
| Quốc tịch<br>*Nationality* | Việt Nam<br>*Vietnam* | Việt Nam, Hoa Kỳ<br>*Vietnam, USA* |
| Số CCCD/HC, Ngày cấp, Nơi cấp<br>*ID/PP, date and place of issue* | | |
| Địa chỉ liên hệ<br>*Address* | | |
| Điện thoại liên hệ/ *Telephone* | | |
| Email | | |
| Chức vụ hiện nay tại công ty quản lý quỹ<br>*Current position in the fund management company* | Thành viên Hội đồng quản trị của DCVFM<br>*Member of DCVFM's Board of Directors* | Thành viên Hội đồng quản trị của DCVFM<br>*Member of DCVFM's Board of Directors* |
| Mối quan hệ giữa tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ<br>*Relationship of organization executing transaction with internal person* | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của HSC<br>*Vice Chairman of HSC's Board of Directors* | Chủ tịch Hội đồng quản trị của HSC<br>*Chairman of HSC's Board of Directors* |
| Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ<br>*Number, ownership percentage of fund certificates held by the internal person* | Không có<br>*Not available* | Không có<br>*Not available* |

3. Mã chứng khoán giao dịch: **FUEVFVND** và **E1VFVN30**
*Securities code: **FUEVFVND** and **E1VFVN30***

4. Các tài khoản giao dịch có chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3:
*Trading accounts having fund certificates as mentioned at item 3:*

   Tại công ty chứng khoán: Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
   *In securities company: Ho Chi Minh City Securities Corporation*

5. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:
*Number, ownership percentage of fund certificates held before the transaction:*

| **Chứng chỉ quỹ/ *Fund certificates*** | **Số lượng/ *Number*** | **Tỷ lệ/ *Ownership percentage*** |
|---|---|---|
| FUEVFVND | 234.900 | 0,07% |
| E1VFVN30 | 93.200 | 0,05% |

6. Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký mua/bán:
*Number of fund certificates registered to purchase/sell:*

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán): không có
  *Type of transaction registered (to purchase/sell): not available*
- Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký giao dịch: không có
  *Number of fund certificates registered for trading: not available*

**Lý do: HSC thực hiện vai trò tổ chức tạo lập thị trường cho Quỹ FUEVFVND và E1VFVN30 nên được miễn trừ công bố thông tin trước khi thực hiện giao dịch theo Khoản 3, Điều 34, Thông tư 96/2020/TT-BTC.**
*Reason: As market making organization of FUEVFVND and E1VFVN30 fund, HSC is exempted from the obligation of information disclosure before conducting transactions according to Clause 3, Article 34, Circular 96/2020/TT-BTC.*

7. Số lượng chứng chỉ quỹ và giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá):
*Number of fund certificates being traded and value of executed transaction (calculated based on par value):*

| **Nội dung giao dịch** *Transaction* | | **FUEVFVND** | | **E1VFVN30** | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | **Số lượng** *Number* | **Giá trị (VND)** *Value (VND)* | **Số lượng** *Number* | **Giá trị (VND)** *Value (VND)* |
| **Đầu kỳ/** ***Opening balance*** | | 234.900 | 2.349.000.000 | 93.200 | 932.000.000 |
| **Mua** ***Purchase*** | **Khớp lệnh** thông qua sàn giao tịch HOSE ***Bidding*** *via HOSE* | 569.000 | 5.690.000.000 | 79.600 | 796.000.000 |
| | **Hoán đổi** Chứng khoán cơ cấu sang Chứng chỉ quỹ thông qua VSDC ***Exchange*** *Structured Securities to Fund Certificates via VSDC* | 500.000 | 5.000.000.000 | 800.000 | 8.000.000.000 |
| **Bán** ***Sell*** | **Khớp lệnh** thông qua sàn giao dịch HOSE *Bidding via HOSE* | 945.300 | 9.453.000.000 | 810.000 | 8.100.000.000 |
| | **Hoán đổi** Chứng chỉ quỹ sang Chứng khoán cơ cấu thông qua VSDC ***Exchange*** *Fund Certificates to Structured Securities via VSDC* | 100.000 | 1.000.000.000 | - | - |
| **Cuối kỳ/** ***Closing balance*** | | 258.600 | 2.586.000.000 | 162.800 | 1.628.000.000 |

8. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của tổ chức thực hiện giao dịch:
*Number, ownership percentage of fund certificates after the transaction held by the organization executing the transaction:*

| **Chứng chỉ quỹ/ *Fund certificates*** | **Số lượng/ *Number*** | **Tỷ lệ/ *Ownership percentage*** |
|---|---|---|
| FUEVFVND | 258.600 | 0,08% |
| E1VFVN30 | 162.800 | 0,09% |

9. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của tổ chức thực hiện giao dịch và người có liên quan:
*Number, ownership percentage of fund certificates after the transaction held by the organization executing the transaction and affiliated person:*

| **Chứng chỉ quỹ/ *Fund certificates*** | **Số lượng/ *Number*** | **Tỷ lệ/ *Ownership percentage*** |
|---|---|---|
| FUEVFVND | 260.000 | 0,08% |
| E1VFVN30 | 162.800 | 0,09% |

10. Phương thức giao dịch: Khớp lệnh thông qua sàn giao dịch HOSE và Hoán đổi thông qua VSDC
*Method of transaction: Bidding via HOSE and Exchange via VSDC*

11. Thời gian thực hiện giao dịch: Từ ngày: **28/10/2026** đến ngày: **03/11/2026**
*Trading time: From:* ***28 October 2026*** *to:* ***03 November 2026***

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**
***HO CHI MINH CITY SECURITIES CORPORATION***
**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**
***PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION***

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Lê Anh Quân**
Giám đốc Điều hành Truyền thông
*Chief Communications Officer*